

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ -TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 353/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1/ Chị Trương Thị L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 33, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

2/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ 33, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Văn T xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trương Bảo Ng, sinh ngày 09/8/2017.

Ly hôn, chị L và anh T thỏa thuận:

+ Giao con chung là Nguyễn Trương Bảo Ng, sinh ngày 09/8/2017 cho ba là Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Chị Trương Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Trương Bảo Ng 200.000đ/ 1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị L và anh T xác nhận không có.

[4] Về quan hệ nợ chung: Chị L và anh T xác nhận không có.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, chị L và anh T mỗi người phải chịu 150.000đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận:

+ Giao con chung là Nguyễn Trương Bảo Ng, sinh ngày 09/8/2017 cho ba là Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Chị Trương Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Trương Bảo Ng 200.000đ/ 1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

- Về vấn đề khác: Không có.

2/ Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trương Thị L và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị L anh T đã nộp tại biên lai thu số

0002070 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ , thành phố Đà Nẵng.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- UBND phường H, quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số: 17/2020 đăng ký ngày 02/3/2020)

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THANH NGÀ